

TAND TỈNH TN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TAND TP TN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2020/HSST

Ngày: 30/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN TỈNH TN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Tú 2. Bà Trần Thanh V

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân TP TN tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố TN tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 946/TLST- HNGĐ ngày 10/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/QĐXX -ST ngày 17/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị V, sinh năm 1983 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Tổ 15 (tổ 26 cũ), phường PĐP, TP TN, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1981 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Tổ 15 (tổ 26 cũ), phường PĐP, TP TN, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Đào Thị V trình bày:

Chị và anh K kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có được đăng ký kết hôn tại UBND phường Tích Lương, thành phố TN. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, anh K thường xuyên chơi cờ bạc, cá độ bóng đá, bỏ bê gia đình và con cái, chị đã góp ý, cho anh K cơ hội nhiều lần, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng anh K vẫn không thay đổi, ngoài ra anh K còn có quan hệ với người phụ nữ khác, sống với nhau như vợ chồng, chị không còn lòng tin. Thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn để giải phóng cho nhau. Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Đăng Q sinh ngày 13/12/2010, khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, tại phiên tòa chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Nợ chị Đào Thị H số tiền 50.000.000 đồng, tuy nhiên chị Hồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chị nhất trí.

Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải anh K trình bày: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung như chị V trình bày là đúng, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị V nên anh không nhất trí ly hôn. Về con chung tại phiên hòa giải ngày 8/6/2020 anh nhất trí để chị V trực tiếp nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, tại phiên hòa giải ngày 15/6/2020 anh không nhất trí để chị V trực tiếp nuôi con chung với lý do là anh làm tại Công ty TNHH khai thác khoáng sản núi pháo, thu nhập ổn định để nuôi con (15.000.000đ/tháng), khi anh đi làm thì có bà nội ở nhà hỗ trợ đưa đón con, hơn nữa chị V đam mê công việc, không có thời gian quan tâm đến con cái và anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về Nợ chung: Vợ chồng có chị Đào Thị Hồng địa chỉ xóm Bình Sơn, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, TN số tiền 50.000.000đ, nếu chị Hồng yêu cầu giải quyết trong vụ án này quan điểm của anh nhất trí với ý kiến của chị V mỗi người trả một nửa số tiền trên.

Quá trình giải quyết chị Đào Thị H có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không giải quyết nợ chung trong vụ án này, nếu có tranh chấp và có đơn yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

HĐXX công khai tài liệu chứng cứ chị V cung cấp cho Tòa án chứng minh thu nhập của mình gồm: 01 Hợp đồng lao động với Doanh nghiệp ô tô xe máy Trần Lan, 06 bảng lương (tháng 1,2,3,4,5,6/2020), 01 Quyết định bổ nhiệm chức danh quản lý nhân sự.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của đương sự: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung của vụ án: Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; 143; 146; 147; 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị V. cho chị Đào Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh K. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đăng Q sinh ngày 13/12/2010 cho anh V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. anh K có quyền đi lại thăm nom con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị V phải nộp án phí LHST theo quy định của pháp luật.

Do vụ án không hòa giải được, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh K nhưng anh K vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đào Thị V có đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố TN, là nguyên đơn trong vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh K, chị V anh K có hộ khẩu thường trú tại tổ 15 (tổ 26 cũ), phường T L, thành phố TN, tỉnh TN căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

[2] Chị Đào Thị V và anh Nguyễn Mạnh K đều xác định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T L, thành phố TN, tỉnh TN như vậy là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị V và anh K đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên chơi cờ bạc, cá độ bóng đá, bỏ bê gia đình và con cái, chị V đã góp ý nhiều lần, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng anh K không thay đổi, ngoài ra anh K còn quan hệ với người phụ nữ khác, sống với nhau như vợ chồng, chị không còn lòng tin. Thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2019 đến nay, nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn để giải phóng cho nhau, anh K không nhất trí ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung. HĐXX thấy rằng: Vợ chồng chị V và anh K có mâu thuẫn và hai bên đều xác định được nguyên nhân, tuy nhiên mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không giải quyết được, nên dẫn đến việc chị V làm đơn xin ly hôn, thực tế giữa chị V và anh K không còn tồn tại quan hệ vợ chồng, vợ chồng sống ly thân từ năm tháng 4/2019 đến nay, nếu duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị V cho chị V được ly hôn với anh K là phù hợp với thực tế và phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: chị V và anh K xác định có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Q sinh ngày 13/12/2010.

Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Lý do là hiện tại anh K vay nợ rất nhiều, vợ chồng đã phải bán đất đi để trả nợ, chị không muốn con luôn phải chịu áp lực vì mọi đến đòi nợ bố, ảnh hưởng đến tâm lý, tính mạng của con. Chị đảm bảo đầy đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa chị không còn khả năng sinh con vì vậy chị mong muốn được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K cũng có nguyện được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung, lý do anh xin được trực tiếp nuôi con chung là vì

chị V công việc bận, lại đam mê công việc, nên việc chăm sóc con không đảm bảo.

HĐXX thấy rằng: Về nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung của các bên đều chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật, về điều kiện nuôi con của các bên đều ngang nhau, tuy nhiên tại phiên tòa ngày hôm nay anh K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nhưng không đến tòa để thể hiện rõ nguyện vọng mong muốn của mình, hơn nữa cháu Q có mong muốn được ở với mẹ, vì vậy HĐXX giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị V phải nộp án phí LHST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; 143; 146; 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị V.

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Đào Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh K.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đăng Q sinh ngày 13/12/2010 cho chị Đào Thị V tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002457 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN sang.

5. Án xử công khai sơ thẩm chị V có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

NỘI NHỒN:

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- UBND xã Tích Lương-TPTN
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP

THẨM PHÁN - CHỦ TỌẠ PHIÊN TỌẠ

Đoàn Thị Minh Huệ

